

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**  
**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

Mã hồ sơ: .....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống: )

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Khoa học Giáo dục

Chuyên ngành: Giáo dục Đặc biệt

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: PHẠM THỊ BÈN

2. Ngày tháng năm sinh: 06/06/1979 Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: Thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố):  
Số 110 nhà B3, Ngách 10 Ngõ 199 Trần Quốc Hoàn, Tổ dân phố số 4, Phường Dịch Vọng  
Hậu, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện):

Số 110 nhà B3, ngách 10 ngõ 199 Trần Quốc Hoàn, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu  
Giấy, thành phố Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: .....; Điện thoại di động: 0983 1979 06

E-mail: [ben.phamthi@hnue.edu.vn](mailto:ben.phamthi@hnue.edu.vn)

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

**7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):**

- Từ tháng 9 năm 1997 đến tháng 6 năm 2001: Sinh viên lớp Chất lượng cao, khoa Ngữ Văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

- Từ tháng 8 năm 2001 đến tháng 6 năm 2003: Học viên Lớp cử nhân chuyên tu Giáo dục Đặc biệt do Ủy ban II Hà Lan phối hợp cùng trường Đại học Sư phạm Hà Nội tổ chức

- Từ tháng 7/2003 đến tháng 3/2004: Giảng viên thử việc, khoa Giáo dục Đặc biệt, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

- Từ tháng 4 năm 2004 đến tháng 7 năm 2005: Giảng viên, Khoa Giáo dục đặc biệt, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

- Từ tháng 8 năm 2005 đến tháng 9 năm 2006: Đi học thạc sĩ tại Vương quốc Anh theo học bổng Erasmus Mundus

- Từ tháng 10 năm 2006 đến tháng 10 năm 2007: Giảng viên, Khoa Giáo dục Đặc biệt, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

- Từ tháng 11 năm 2007 đến tháng 7 năm 2014: Giảng viên, Trưởng bộ môn, Khoa Giáo dục Đặc biệt, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

- Từ tháng 7 năm 2014 đến tháng 6 năm 2018: đi học nghiên cứu sinh tại trường Đại học Charles Sturt, bang New South Wales, Úc, theo học bổng chính phủ Úc

- Từ tháng 7 năm 2018 đến tháng 1 năm 2019: Giảng viên, Khoa Giáo dục Đặc biệt, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

- Từ tháng 2 năm 2019 đến tháng 1/2020: Giảng viên, Phó trưởng bộ môn, Khoa Giáo dục Đặc biệt, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

- Từ tháng 1 năm 2020 đến nay (6/2024): Giảng viên chính, Phó trưởng bộ môn, Khoa Giáo dục Đặc biệt, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Chức vụ: Hiện nay: Phó trưởng bộ môn      Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng bộ môn

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Giáo dục Đặc biệt, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: Tầng 4 nhà V, Số 136 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại cơ quan:.....

**8. Đã nghỉ hưu** từ tháng .....năm .....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): .....

  
2

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước  
Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn  
nộp hồ sơ): Không

### **9. Trình độ đào tạo**

- Được cấp bằng ĐH ngày 20 tháng 7 năm 2001; số văn bằng: 320184; ngành: Ngữ Văn,  
chuyên ngành: .....; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học  
Su phạm Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ĐH ngày 18 tháng 06 năm 2003; số văn bằng: 042301; ngành: .....,  
chuyên ngành: Giáo dục Đặc biệt; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Su  
phạm Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 03 tháng 03 năm 2006; số văn bằng: 2376; ngành: Ngữ Văn;  
chuyên ngành: Văn học Việt Nam; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Su  
phạm Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 19 tháng 10 năm 2006; số văn bằng: 05132935; ngành: .....;  
chuyên ngành: Giáo dục Đặc biệt; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học  
Roehampton, Luân Đôn, Vương quốc Anh; Đại học Fontys, Hà Lan; và Đại học Karlova v  
Praze, Cộng hoà Séc.

- Được cấp bằng TS ngày 13 tháng 12 năm 2018; số văn bằng: B115573871;  
ngành: .....; chuyên ngành: .....;  
Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Charles Sturt, Úc. Đăng ký công nhận  
văn bằng tại Cục Quản lý Chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo, ngày 01 tháng 04 năm  
2019, số đăng ký: 009075/CNVB-TS.

**10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ..... tháng ... năm .....,**

ngành: .....

**11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở:**

Trường Đại học Su phạm Hà Nội

**12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành:**

Khoa học Giáo dục

**13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:**

- Sự phát triển ngôn ngữ và lời nói của trẻ em bình thường và trẻ có nhu cầu đặc biệt nói tiếng Việt đơn ngữ và song ngữ, đa ngữ;

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Đánh giá và can thiệp trị liệu các rối loạn giao tiếp, ngôn ngữ và lời nói của trẻ em nói tiếng Việt có nhu cầu đặc biệt;
- Phương pháp nghiên cứu khoa học, đạo đức nghiên cứu, đạo đức hành nghề và thực hành dựa vào bằng chứng trong đánh giá và can thiệp trị liệu ngôn ngữ và lời nói của trẻ em nói tiếng Việt.

#### 14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học

- Đã hướng dẫn (số lượng) ..... NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn 09 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên
  - Chủ nhiệm: 1 đề tài cấp Bộ (2010-2013)
  - Tham gia: 01 đề tài cấp Bộ (2014-2016)
  - Đồng chủ nhiệm hoặc tham gia đề tài nghiên cứu khoa học quốc tế: 06 đề tài
- Đã công bố 28 bài báo khoa học, trong đó 13 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín và 15 bài báo khoa học trên tạp chí quốc gia có uy tín; sau khi học xong tiến sĩ công bố 22 bài báo khoa học: 9 bài báo khoa học quốc tế có uy tín và 13 bài báo trong nước.
- Số lượng sách đã xuất bản: 02 cuốn sách, và 03 chương sách, đều thuộc nhà xuất bản có uy tín trong nước và trên thế giới.

#### 15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

##### 15.1. Danh hiệu thi đua

Năm học	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định
2019-2020	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Quyết định số: 3436/QĐ-ĐHSPHN, ngày 26/08/2020, Hiệu trưởng trường ĐHSP Hà Nội
2020-2021	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Quyết định số: 4656/QĐ-ĐHSPHN, ngày 11/10/2021, Hiệu trưởng trường ĐHSP Hà Nội
2020	Giải Nhất Giải thưởng Khoa học và Công nghệ năm 2020	Giải Nhất Giải thưởng Khoa học và Công nghệ năm 2020 (lĩnh vực Khoa học Giáo dục), QĐ số: 5307/QĐ-ĐHSPHN, ngày 13/11/2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP Hà Nội

### 15.2. Hình thức khen thưởng

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định
2020	Giấy khen	QĐ số: 5307/QĐ-ĐHSPHN, ngày 13/11/2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP Hà Nội

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

## B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

### 1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo

Nghiên cứu tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo được quy định trong Luật Giáo dục và Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT, tôi thấy bản thân mình đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo Việt Nam. Cụ thể như sau:

#### *Về tiêu chuẩn nhà giáo*

a) Có tư cách đạo đức tốt, có bản lĩnh chính trị vững vàng, luôn giữ quan hệ đúng mực với đồng nghiệp, học viên và sinh viên, thường xuyên trao đổi tư cách đạo đức của người giảng viên, tận tâm với công việc nghiên cứu, giảng dạy và tận tình với sinh viên, học viên, trung thực trong quá trình nghiên cứu khoa học. Qua nhiều năm công tác, tôi không bị bất cứ hình thức kỷ luật nào.

b) Tôi đã được đào tạo đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ngành Khoa học Giáo dục, chuyên ngành Giáo dục Đặc biệt và chuyên sâu về Trị liệu giáo dục ngôn ngữ và lời nói. Đây là một chuyên ngành hẹp và là lĩnh vực đào tạo còn rất mới mẻ ở Việt Nam; tuy nhiên, chuyên ngành này rất quan trọng và cần thiết đối với xã hội hiện nay. Tôi đã được đào tạo ở trình độ đại học và cao học về Ngữ Văn và Giáo dục Đặc biệt và học tiến sĩ về Khoa học Giáo dục chuyên sâu về Trị liệu giáo dục ngôn ngữ và lời nói cho trẻ em độ tuổi học đường. Là người thành thạo ngoại ngữ (tiếng Anh), tôi có cơ hội tham gia nhiều khoá đào tạo bồi dưỡng liên tục dành cho nhà chuyên môn từ các chuyên gia hàng đầu thế giới và trong nước. Ngoài việc cập nhật các kiến thức chuyên môn của chuyên ngành hẹp, tôi cũng đã tham gia các khoá học chuyên sâu về phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục cũng như tham gia các đề tài nghiên cứu trong nước và quốc tế. Nhờ đó, kỹ năng nghiên cứu khoa học cũng như kỹ năng công bố của tôi được nâng cao. Tôi cũng tham gia vào nhiều khoá học bồi dưỡng về kỹ năng sư phạm, tập huấn, tin học, sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học trực tuyến để phù hợp trong thời kỳ đại dịch

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước cũng như bắt kịp xu thế của thời đại công nghệ. Tôi đã được trang bị tốt các kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm, làm việc ở các môi trường khác nhau và làm việc với cường độ và áp lực cao.

c) Về sức khoẻ theo yêu cầu nghề nghiệp: Tôi có sức khoẻ tốt đáp ứng yêu cầu của một giảng viên;

d) Bản thân tôi có lý lịch rõ ràng.

### ***Về nhiệm vụ***

Tự đánh giá về bản thân, trong nhiều năm qua, tôi đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của một nhà giáo Việt Nam, cụ thể:

a) Giảng dạy theo mục tiêu, quan điểm, chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trường Đại học Sư phạm Hà Nội;

b) Gương mẫu chấp hành các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nội quy, quy chế của Trường; Thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của công dân ở cơ quan công tác và nơi sinh sống;

c) Luôn giữ gìn phẩm chất, uy tín của một nhà giáo; đối xử công bằng với các học viên, sinh viên; bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của học viên, sinh viên; không ngừng phấn đấu, rèn luyện, học tập nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và phẩm chất để phục vụ tốt cho công tác giảng dạy và làm gương cho học viên, sinh viên;

d) Hoàn thành tốt các nhiệm vụ mà cơ sở đào tạo giao phó như công tác quản lý, giảng dạy, nghiên cứu; tham gia biên soạn sách, giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo đại học và sau đại học; tham gia các hội đồng khoa học, hội đồng đánh giá luận văn thạc sỹ tại các cơ sở đào tạo Giáo dục Đặc biệt và Ngôn ngữ trị liệu; tham gia hội đồng nghiệm thu các đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở và cấp bộ tại các cơ sở đào tạo và Bộ; đã tham gia nghiên cứu đề tài khoa học cấp cơ sở và cấp Bộ.

e) Có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ và hợp tác với các đồng nghiệp trong quá trình nghiên cứu, giảng dạy và các công tác khác.

## **2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:**

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 19 năm

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2018-2019				01	407.96	0	407.96/ 1167/ 272.19
2	2019-2020			02	01	175.46	75	250.46/ 1042.23/ 246.5
3	2020-2021			01	01	170	90	260/ 937.69/ 246.5
03 năm học cuối								
4	2021-2022	01		03	01	233.07	142.02	375.09/ 1118.58/ 213.49
5	2022-2023	01	01	05	0	190.29	79.37	269.66/ 833.67/ 155.08
6	2023-2024	01	01	03	02	572.22	172.32	744.54/ 3152.13/ 240.62

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

### 3. Ngoại ngữ:

#### 3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước: .....; Từ năm ..... đến năm .....

- Bảo vệ luận văn ThS  tại nước: Anh; năm: 2006; luận án TS  tại nước: Úc; năm: 2018

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ..... số bằng: .....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): .....

d) Đối tượng khác ; Diễn giải: .....

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): .....

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Hằng		x		x	2020-2021	ĐH Y Dược tp HCM	26/01/2022, số hiệu YDS.ThS.000151
2	Phạm Thị Vân		x		x	2020-2021	ĐH Y Dược tp HCM	26/01/2022, số hiệu YDS.ThS.000151
3	Hoàng Thị Mơ		x	x		2021-2022	ĐHSP HN	05/12/2022, số hiệu: B004095
4	Lê Huỳnh Ngọc Hân		x	x		2021-2022	ĐHSP HN	05/12/2022, số hiệu: B004099
5	Bùi Thị Thu		x	x		2021-2022	ĐHSPHN	05/12/2022, số hiệu: B004106
6	Lương Thị Ngọc Thuỳ		x	x		2021-2022	ĐHSPHN	05/12/2022, số hiệu: B004108
7	Lê Thị Thanh Xuân		x		x	2022-2023	ĐH Y Dược tp HCM	25/12/2023, số hiệu YDS.ThS.001700
8	Lường Thị Hương		x	x		2022-2023	ĐHSP HN	14/12/2023, số hiệu SPH.B000707
9	Lê Thị Hương Mai		x	x		2022-2023	ĐHSP HN	14/12/2023, số hiệu SPH.B000721

**Ghi chú:** Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
<b>I</b>	<b>Trước khi được công nhận TS</b>						
1	Nhập môn Giáo dục Đặc biệt	CK	NXB Giáo dục, 2011	3			Số 592/GXN- ĐHSPHN, ngày 20/6/2024
<b>II</b>	<b>Sau khi được công nhận TS</b>						
1	Nghiên cứu khoa học giáo dục: Lý thuyết và thực hành	CK	NXB Kinh tế quốc dân, 2019	3	Đồng tác giả		Số 592/GXN- ĐHSPHN, ngày 20/6/2024
2	Encyclopedia of human communication	CK	Sage, 2019	2	Damico & Ball	Tone languages and communication	Số 592/GXN- ĐHSPHN, ngày 20/6/2024



Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	sciences and disorders					disorders (tr1977-1980)	
3	The unserved: Addressing the needs of those with communication disorders	CK	J&R Press, 2023	5	Levey & Enderby	Chapter 8. Supporting the communication of underserved children in Vietnam (tr.73-83)	Số 592/GXN-ĐHSPHN, ngày 20/6/2024
4	Early Childhood Voices: Children, Families, Professionals	CK	Springer, 2024	5		Chapter 11. Vietnamese-Australian Families: Children's Language Competence and Home language maintenance (tr.135-150)	Mới xuất bản tháng 5/2024 nên chưa xin giấy xác nhận sử dụng.

Trong đó: 02 cuốn sách chuyên khảo (B5-I.1 và B5-II.1) do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và 02 chương sách (B5-II.2 và B5-II.3) ứng viên là tác giả chính sau TS và do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, 01 chương sách (B5-II.4) do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản tháng 5/2024 nên chưa xin giấy xác nhận sử dụng sách.

Bản sao sách và chương sách được tập hợp trong **Tập II-cuốn 2** của hồ sơ.

**Lưu ý:**

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

**6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:**

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
<b>I</b>	<b>Trước khi được công nhận TS</b>				
1	Mô hình phát triển ngôn ngữ trong giáo dục đặc biệt ở Việt Nam	TG	B2014-17-57, Bộ Giáo dục và Đào tạo	2014-2016	QĐ HĐ nghiệm thu số 1622/QĐ-BGDDT, ngày 10/5/2017, Biên bản nghiệm thu, ngày 30/6/2017, xếp loại: Xuất sắc
2	Các phương pháp nhận diện trẻ có khó	CN	B2010-17-260, Bộ Giáo	2010-2014	QĐ HĐ nghiệm thu số 750/QĐ-

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	khả năng ngôn ngữ ở tiểu học		đọc và Đào tạo		BGDĐT, ngày 6/3/2014, Biên bản nghiệm thu, ngày 27/3/2014, xếp loại: Tốt
<b>II Sau khi được công nhận TS</b>					
1	Language-Literacy Growth in Vietnamese Children with and without Language Impairment	PCN (trưởng nhóm nghiên cứu tại Việt Nam)	NIH-NIDCD K23 DC014750, School of Speech, Language, and Hearing Sciences, San Diego State University, USA.	2016-2021	Ghi chú: Đề tài quốc tế, hoàn thành năm 2021 ( <a href="#">link</a> ). Minh chứng là thư xác nhận tham gia của cơ quan chủ trì, không có dấu công chứng
2	Online resources for the Vietnamese Language: Assessment tools, learning materials, databank	PCN (trưởng nhóm nghiên cứu tại Việt Nam)	American Speech-Language-Hearing Association (ASHA) Grant Program for Projects on Multicultural Activities	2018-2020	Ghi chú: Đề tài nghiên cứu quốc tế, minh chứng là thư xác nhận tham gia, không có dấu công chứng. Sản phẩm của đề tài này là công cụ đánh giá ngôn ngữ được công bố trên trang mạng ( <a href="#">link</a> )
3	Vietnamese-Australian children's speech and language competence (VietSpeech project) (ARC Discovery Grant DP180102848)	Cố vấn	Australian Research Council & Charles Sturt University, Australia	2018-2021	Ghi chú: đề tài nghiên cứu quốc tế, minh chứng về việc tham gia và sản phẩm đề tài do cơ quan chủ trì công bố trên trang mạng ( <a href="#">link</a> )
4	Ethics Education Project in Cambodia, Ghana and Vietnam (Speech Pathology Australia Grant)	PCN (trưởng nhóm nghiên cứu tại Việt Nam)	Speech Pathology Australia Association, Trinh Foundation Australia	2019-2020	Đề tài quốc tế, minh chứng là thư xác nhận tham gia, không có dấu công chứng. Trang mạng công bố sản phẩm của đề tài tại: <a href="#">link1</a> , <a href="#">link2</a>

*Ru*

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

5	Early identification and intervention of children with speech and language disorders in South East Asia Region: Developing capabilities, partnerships and research, GCRFNGR6/1213	PCN (đại diện Việt Nam)	University of East Anglia, UK & National University of Malaysia	7/2021-8/2023	Đề tài quốc tế, minh chứng là Thuyết minh đề tài bản điện tử nên không có dấu công chứng. Thông tin đề tài trên trang mạng của cơ quan chủ trì: <a href="#">link</a> thông tin.
6	Global TALES	PCN (trưởng nhóm nghiên cứu ở Việt Nam)	Hiệp hội quốc tế về Khoa học và rối loạn giao tiếp (IALP)	2023-2025	Đề tài quốc tế, minh chứng sự tham gia được công bố trên trang mạng của đề tài ( <a href="#">link</a> )

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký. TG: Tham gia

**7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):**

**7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:**

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc ký yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Q)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
<b>Bài báo khoa học quốc tế</b>								
1	Consonants, vowels, and tones across Vietnamese dialects	2	x	<i>Journal of Speech-Language Pathology</i>	ISI: SCIE, SSCI ISSN: 1754-9507, Q1	53 (theo Google Scholar)	18(2), 122-134	2016
2	Cultural and linguistic diversity in speech-language pathology	5		<i>Journal of Speech-Language Pathology</i>	ISI: SCIE, SSCI ISSN: 1754-9507, Q1	9 (theo Google Scholar)	18(2), 109-110	2016
3	Development of the Vietnamese Speech Assessment	3	x	<i>Journal of Clinical Practice in Speech-Language Pathology</i>	Speech Pathology Association Australia		18(3), 126-130	2016

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

4	Validation and norming of the Intelligibility in Context Scale in Northern Vietnam	3	x	<i>Clinical Linguistics and Phonetics</i>	ISI: SCIE, SSCI ISSN: 0269-9206, Q1	38 (theo Google Scholar)	31(7-9), 665-681	2017
<b>Bài báo khoa học trong nước</b>								
5	Xây dựng bộ trắc nghiệm đánh giá lời nói Việt: Nghiên cứu định khung	3	x	<i>Ngôn ngữ</i>	-		4(347), 33-45	2018
6	Vận dụng mô hình ICF-CY trong phát triển ngôn ngữ cho trẻ em có nhu cầu đặc biệt tại Trung tâm đào tạo và phát triển giáo dục đặc biệt	3	x	<i>Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội</i>	ISSN: 2354-1075		61(8A), 226-238	2016
<b>II Sau khi được công nhận TS</b>								
<b>Bài báo khoa học quốc tế</b>								
1	A bibliometrics analysis of research on early childhood education in 2022	8		<i>Asia-Pacific Journal of Research in Early Childhood Education</i>	19761961, 22335234, Q4 Scopus		18(2), 125-149	2024
2	Considerations of dialect on the identification of speech sound disorder in Vietnamese-speaking children	2	x	<i>International Journal of Language &amp; Communication Disorders</i>	1368-2822 / 1460-6984, Q1, ISI, SCIE, SSCI			2023

3	Multilingual speech acquisition by Vietnamese-English-speaking children and adult family members	8		<i>Journal of Speech, Language and Hearing Research</i>	ISSN: 1092-4388, Q1 ISI: SCIE, SSCI	8 (theo Google Scholar)	66(7), 2184-2229	3/2023
4	Consonant accuracy and intelligibility of Southern Vietnamese children	3		<i>Speech, Language and Hearing</i>	Scopus, ISSN: 2050571X, 20505728, Q2	7 (theo Google Scholar)	25(3), 315-324.	3/2022
5	Speech acquisition within a 3-generation Vietnamese-English family: The influence of maturation and ambient phonology	7		<i>Clinical Linguistics and Phonetics</i>	ISI: SCIE, SSCI ISSN: 0269-9206, Q1	15 (theo Google Scholar)	36(4-5), 470-493	12/2021
6	Vietnamese-speaking children's acquisition of consonants, semivowels, vowels, and tones in Northern Viet Nam	2	x	<i>Journal of Speech, Language, and Hearing Research</i>	ISSN: 1092-4388, Q1 ISI: SCIE, SSCI	24 (theo Google Scholar)	62, 2645-2670	2019
7	Identifying developmental language disorder in Vietnamese children	10		<i>Journal of Speech, Language, and Hearing Research</i>	ISSN: 1092-4388, Q1 ISI: SCIE, SSCI	30 (theo Google Scholar)	62, 1452-1467	2019
8	Transcription of Vietnamese adults' and children's	4		<i>Folia Phoniatica et Logopaedica</i>	ISSN: 1021-7762, Q1 ISI: SCIE, SSCI	10 (theo Google Scholar)		2019

	speech by English-speaking speech-language pathologists							
9	The adaption of Multilingual Assessment Instrument for Narratives (MAIN) to Vietnamese	5		ZAZ Papers in Linguistics	-	4 (theo Google Scholar)	Vol.64 (Special Issue on MAIN)	2020
<b>Các bài báo trong nước</b>								
10	Sự phát triển lời nói của trẻ em nói tiếng Việt: một nghiên cứu tổng quan	10	x	Tạp chí Giáo dục	ISSN: 0866-7476		24(2), 12-19	2024
11	Children's speech acquisition: Theories and application into Vietnamese studies	6	x	HNUE Journal of Science	ISSN: 2354-1075		68(5B), 48-58	2023
12	Tổng quan các tiêu chuẩn chẩn đoán rối loạn âm lời nói ở trẻ em	4		Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	ISSN: 2354-1075		66(4AB), 82-97	2021
13	Đặc điểm lời nói của trẻ rối loạn phổ tự kỷ	3	x	Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	ISSN: 2354-1075		66(4AB), 371-381	2021
14	Narrative review on methods assessing children's narrative skills	6		HNUE Journal of Science	ISSN: 2354-1075		68(5A), 163-170	2023
15	Narrative review of	6	x	HNUE Journal of Science	ISSN: 2354-1075		68(5A), 115-121	2023

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	speech sound assessment tools for Vietnamese-speaking children							
16	Xây dựng bài tập nhận thức âm vị trên PowerPoint cho học sinh lớp 1 có rối loạn ngôn ngữ	6	x	<i>Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội</i>	ISSN: 2354-1075	68(5B), 181-187	2023	
17	Review on pragmatic social skills intervention for preschool-aged children with autism spectrum disorders	3		<i>HNUE Journal of Science</i>	ISSN: 2354-1075	68(5B), 59-70	2023	
18	Giới thiệu công cụ đánh giá khả năng tường thuật đa ngữ trong đánh giá lời kể của trẻ em Việt Nam	9		<i>Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội</i>	ISSN: 2354-1075	68(5B), 130-139	2023	
19	Công cụ đánh giá lời nói cho trẻ em nói tiếng Việt: Tổng quan nghiên cứu	6	x	<i>Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam</i>	ISSN: 2615-8957	S4(19), 37-44	2023	
20	Tổng quan mô tả về thang đo tính dễ hiểu theo ngữ cảnh	4		<i>Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội</i>	ISSN: 2354-1075	66(4AB), 68-81	2021	
21	Ảnh hưởng của ô nhiễm không khí tới trẻ em khuyết tật: Nghiên	3	x	<i>Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội</i>	ISSN: 2354-1075	66(4AB), 145-159	2021	

	cứu tổng quan diễn ngôn						
22	Assessment protocols in studying children's speech acquisition	2	x	HNUE Journal of Science	ISSN: 2354-1075	12(2020), 119-128	2020

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: **02** bài (mục **B7.1.a-II.2** và **B7.1.a-II.6**).

Bản in các bài báo khoa học này được tập hợp trong **Tập II-cuốn 1** của hồ sơ.

Ngoài 13 bài báo khoa học công bố quốc tế và 15 bài báo công bố trong nước, tôi còn công bố các sản phẩm khoa học phục vụ công tác nghiên cứu, giảng dạy và thực tiễn hành nghề trực tiếp với trẻ em nói tiếng Việt ở trong nước và ở nước ngoài. Các sản phẩm khoa học này được giới thiệu hoặc được công bố ở dạng điện tử đăng trên các trang mạng để người dùng có thể dễ dàng tiếp cận hoặc tải xuống miễn phí. Bản in các sản phẩm này trong **Tập II-cuốn 3**; bản điện tử theo đường links các trang mạng cung cấp dưới đây.

Các sản phẩm khoa học là các công cụ đánh giá ngôn ngữ, lời nói, và giao tiếp được xây dựng mới hoặc thích ứng từ các công cụ đánh giá có sẵn từ ngôn ngữ khác. Đó là:

- (1) Ivey, A., Verdon, S., & **Phạm, B.** (2018). Vietnamese Language Screener (VLS). Trinh Foundation Australia LTD.,: Author. Video hướng dẫn sử dụng, truy cập tại: <https://trinhfoundation.org/vi/news/vietnamese-language-screener-training-package-finalised>
- (2) Gagarina, N., Klop, D., Kunnari, S., Tantele, K., Välimaa, T., Bohnacker, U. & Walters, J. (2019). *MAIN: Multilingual Assessment Instrument for Narratives [Bộ Công cụ Đánh giá Khả năng Tường thuật]*- Revised. Materials for use. ZAS Papers in Linguistics, 63. Vietnamese version. Translated and adapted by Trinh, T., Pham, G., **Phạm, B.**, Pham, L., Hoang, H., Vu, T., and Vu M. Bản dịch tiếng Việt, truy cập và tải miễn phí tại: [https://www.leibniz-zas.de/fileadmin/media/Dokumente/ZASPiL/ZASPiL\\_63/MAIN\\_Vietnamese\\_2020\\_Revised.pdf](https://www.leibniz-zas.de/fileadmin/media/Dokumente/ZASPiL/ZASPiL_63/MAIN_Vietnamese_2020_Revised.pdf)
- (3) McLeod, S. (2004). *Đánh giá Hoạt động và Sự tham gia liên quan đến lời nói của trẻ em: Tiếng Việt (Speech Participation and Activity Assessment of Children: Vietnamese, SPAA-C:VN) (B. Phạm, Trans.)*. Truy cập và tải miễn phí tại: [https://cdn.csu.edu.au/\\_data/assets/pdf\\_file/0011/2755406/SPAA-C-Child-Vietnamese-English.pdf](https://cdn.csu.edu.au/_data/assets/pdf_file/0011/2755406/SPAA-C-Child-Vietnamese-English.pdf)
- (4) McLeod, S., Harrison, L. J., & McCormack, J. (2012b). *Thang đo Tính dễ hiểu theo ngữ cảnh: Tiếng Việt [Intelligibility in Context Scale: Vietnamese, ICS-VN] (T. N. Ho, T. C. Nguyen, & B. Phạm, Trans.)*. Truy cập và tải miễn phí tại: [https://cdn.csu.edu.au/\\_data/assets/pdf\\_file/0004/2175988/ICS-Vietnamese-English-Final-Nov-2015.pdf](https://cdn.csu.edu.au/_data/assets/pdf_file/0004/2175988/ICS-Vietnamese-English-Final-Nov-2015.pdf)
- (5) Thomas-Stonell, N., Oddson, B., Robertson, B., Walker, J. & Rosenbaum, P. (2015). *Tập Trung Vào Kết Quả Của Việc Giao Tiếp Dưới Sáu Tuổi (The FOCUS<sup>©</sup>-34: Focus on the Outcomes of Communication Under Six)*. Holland Bloorview Kids Rehabilitation Hospital, Toronto, ON. <http://www.focusoutcomemeasurement.ca>. Translated with approval by Giang Phạm, **Ben Phạm**, Ngọc Tran, Hien Hoang, Linh Phạm, and Thuy Dao. Truy cập



Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước và tải miễn phí tại: [https://bdc.sdsu.edu/wp-content/uploads/2019/04/FOCUS-34\\_Clinician\\_Final-Vietnamese-version.pdf](https://bdc.sdsu.edu/wp-content/uploads/2019/04/FOCUS-34_Clinician_Final-Vietnamese-version.pdf)

- (6) Phạm và cộng sự (2021). VietSLP Tài liệu và công cụ Âm ngữ trị liệu để hỗ trợ trẻ em Việt Nam: Tài liệu trên mạng cho ngôn ngữ Việt: Công cụ đánh giá và bài học. Truy cập và đăng ký tài khoản tại trang: <https://vietslp.sdsu.edu/vi/trang-chu/> để sử dụng miễn phí 9 công cụ đánh giá ngôn ngữ cho trẻ em nói tiếng Việt đã được thử nghiệm qua nghiên cứu.

Các sản phẩm khoa học là các tài liệu hoặc các bài tập được thiết kế để sử dụng trong phát triển, can thiệp ngôn ngữ, lời nói, và giao tiếp cho trẻ em và người lớn nói chung và cho trẻ có nhu cầu đặc biệt nói riêng. Đó là:

- (7) Trinh Foundation Australia, Speech and Hearing Project & University of Ghana. (2019). *Introduction to ethics and ethical practice in speech and language therapy*. [Giới thiệu về đạo đức nghề nghiệp và thực hành đạo đức nghề nghiệp trong ngôn ngữ trị liệu ở Campuchia, Ghana và Việt Nam]. Bài giảng trực tuyến tại: <https://trinhfoundation.org/ethics-speech-therapy/>
- (8) Trinh Foundation Australia, Speech and Hearing Project & University of Ghana. (2019). *Workbook. Introduction to ethics and ethical practice in speech and language therapy [Sách bài tập: Giới thiệu về đạo đức nghề nghiệp trong ngôn ngữ trị liệu ở Campuchia, Ghana và Việt Nam]*. Truy cập và tải miễn phí bản tiếng Anh tại: <https://trinhfoundation.org/static/pdf/ethics-education-workbook-english.pdf> Truy cập và tải miễn phí bản tiếng Việt tại: [https://drive.google.com/file/d/1hD7gxG4wjxC3lpyR30DJr0NQRHRHd1\\_N/vi-ew](https://drive.google.com/file/d/1hD7gxG4wjxC3lpyR30DJr0NQRHRHd1_N/vi-ew)
- (9) Wylie, K., **Phạm, B.** Amponsah, C., Walker-Smith, K., Hewat, S., Heine, C., Koa, A., Cao, P., Đinh, T., Giản, T., Hoàng, V., Nguyễn, C. Nguyễn, T. H., Nguyễn, T. T., Vu, T., Abdulai, J., Abbey, G., Gomado, L. A., Gyamera, A. E...Pham, Q. (2020). *Giải quyết vấn đề đạo đức nghề nghiệp trong ngôn ngữ trị liệu ở Ghana và Việt Nam*. Trinh Foundation Australia. Truy cập tại: <https://www.flipsnack.com/ethicssl/gi-i-quy-t-v-n-o-c-ngh-nghi-p-trong-ng-n-ng-tr-li-u-7j84385tk5.html>
- (10) Verdon, S., McLeod, S., Tran, V., Margetson, K., **Phạm, B.** & Wang, C. (2020). *SuperSpeech: VietSpeech Multilingual Children [Trẻ em đa ngữ]*. Truy cập và tải miễn phí tại: [https://cdn.csu.edu.au/\\_data/assets/pdf\\_file/0010/3949156/VietSpeech-Multilingual-Children.pdf](https://cdn.csu.edu.au/_data/assets/pdf_file/0010/3949156/VietSpeech-Multilingual-Children.pdf)
- (11) Verdon, S., McLeod, S., Tran, V., Margetson, K., **Phạm, B.**, & Wang, A. (2020). *SuperSpeech: VietSpeech family workbook (Research version) [Sách huấn luyện siêu nhân song ngữ VietSpeech: Sách bài tập dùng cho gia đình (phiên bản nghiên cứu)]*. Charles Sturt University. Truy cập và tải miễn phí tại: [https://cdn.csu.edu.au/\\_data/assets/pdf\\_file/0004/4203949/VietSpeech-family-workbook.pdf](https://cdn.csu.edu.au/_data/assets/pdf_file/0004/4203949/VietSpeech-family-workbook.pdf) (info)
- (12) **Phạm Thị Bền** & Đỗ Thị Thanh Thủy (2023). Xây dựng trò chơi sử dụng trong hoạt động chỉnh âm cho trẻ rối loạn âm lời nói (Sáng kiến cấp trường năm học 2022-2023, Quyết định số 3124/QĐ-ĐHSPHN, ngày 26 tháng 7 năm 2023).
- (13) **Phạm Thị Bền** và VietSpeech EDU Ltd. (2021). *Video hướng dẫn can thiệp ngôn ngữ trị liệu*. VietHealth. Truy cập tại: <https://viethealth.org.vn/thu-vien-video/>

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS: .....

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
...						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): Không áp dụng

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): Không

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

Không

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Không

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng

ThS/CK2/BSNT bị thiếu: .....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH  ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

**Chương sách xuất bản quốc tế (mục B5-II.2)**

*Handwritten signature*

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước  
**Phạm, B. & McLeod, S. (2019).** Tone languages and communication disorders. In J. S. Damico & M. J. Ball (Eds.), *Encyclopedia of human communication science and disorders*, pp.1977-1980. Thousand Oaks, CA: Sage.

*Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.*

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: .....

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: .....

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 18 tháng 06 năm 2024

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**



**Phạm Thị Bền**